

## HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT ĐỀ 2

## I. TRẮC NGHIỆM

**Câu 1.** Số thập phân gồm 7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn viết là:

- A. 73,9000      B. 73,009      C. 73,09      D. 73,0009

**Phương pháp**

Muốn viết (hoặc đọc) số thập phân, trước hết viết (hoặc đọc) phần nguyên, viết (hoặc đọc) dấu phẩy, sau đó viết (hoặc đọc) phần thập phân.

**Lời giải**

Số thập phân gồm 7 chục, 3 đơn vị, 9 phần nghìn viết là: **73,009**

**Đáp án: B**

**Câu 2.** Hỗn số  $31\frac{5}{100}$  được viết dưới dạng số thập phân là:

- A. 31,05      B. 31,5      C. 5,31      D. 3,15

**Phương pháp**

Áp dụng cách viết  $\frac{1}{100} = 0,01$

**Lời giải**

Hỗn số  $31\frac{5}{100}$  được viết dưới dạng số thập phân là: 31,05

**Đáp án: A**

**Câu 3.** Số thập phân bé nhất trong các số 241,25 ; 241,205 ; 240,98 ; 240,908 là:

- A. 241,25      B. 241,205      C. 240,98      D. 240,908

**Phương pháp**

So sánh các số thập phân theo quy tắc đã học

**Lời giải**

Ta có  $240,908 < 240,98 < 241,205 < 241,25$

Vậy số thập phân bé nhất trong các số đã cho là 240,908

**Đáp án: D**

**Câu 4.** Số thập phân thích hợp viết vào chỗ chấm của  $15\text{ l } 78\text{ ml} = \dots\dots\dots\text{ l}$  là:

- A. 15,78      B. 157,8      C. 15,078      D. 1,578

**Phương pháp**

Chuyển về hỗn số có chứa phần số thập phân rồi viết dưới dạng số thập phân.

**Lời giải**

Ta có:  $15\text{ l } 78\text{ ml} = 15\frac{78}{1000}\text{ l} = 15,078\text{ l}$

**Đáp án: C**

**Câu 5.** Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm  $2\text{ km}^2\text{ 5ha} \dots\dots 2,5\text{ km}^2$  là:

A. >                      B. <                      C. =                      D. Không xác định được

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:  $1\text{ km}^2 = 100\text{ ha}$

**Lời giải**

Đổi:  $2\text{ km}^2\text{ 5ha} = 2,05\text{ km}^2$

Vậy  $2\text{ km}^2\text{ 5ha} < 2,5\text{ km}^2$

**Đáp án: B**

**Câu 6.** Một khu đất dạng hình chữ nhật có chiều dài 210 m, chiều rộng bằng  $\frac{5}{7}$  chiều dài. Hỏi khu đất đó có diện tích là bao nhiêu héc-ta?

A. 3,15 ha                      B. 15 ha                      C. 31,5 ha                      D. 1,5 ha

**Phương pháp**

- Tìm chiều rộng khu đất = chiều dài  $\times \frac{5}{7}$

- Diện tích khu đất = chiều dài  $\times$  chiều rộng

**Lời giải**

Chiều rộng khu đất là  $210 \times \frac{5}{7} = 150\text{ (m)}$

Diện tích khu đất là:  $210 \times 150 = 31\ 500\text{ (m}^2) = 3,15\text{ ha}$

**Đáp án: A****II. TỰ LUẬN**

**Câu 1.** Hoàn thành bảng sau:

Phân số	Phân số thập phân	Số thập phân
$\frac{7}{20}$		
$\frac{13}{25}$		
$\frac{3}{125}$		

**Phương pháp**

Nhân hoặc chia cả tử số và mẫu số với cùng một số tự nhiên khác 0 để được phân số có mẫu số là 10, 100, 1000, ...

**Lời giải**

Phân số	Phân số thập phân	Số thập phân
$\frac{7}{20}$	$\frac{35}{100}$	0,35
$\frac{13}{25}$	$\frac{52}{100}$	0,52
$\frac{3}{125}$	$\frac{24}{1000}$	0,024

**Câu 2.** Tính giá trị của biểu thức.

$$\frac{3}{4} + \frac{5}{8} - \frac{1}{24} \qquad 5\frac{1}{3} - \frac{4}{3} \times \frac{9}{20}$$

**Phương pháp**

Thực hiện tính theo các quy tắc đã học

**Lời giải**

$$\frac{3}{4} + \frac{5}{8} - \frac{1}{24} = \frac{18}{24} + \frac{15}{24} - \frac{1}{24} = \frac{32}{24} = \frac{4}{3}$$

$$5\frac{1}{3} - \frac{4}{3} \times \frac{9}{20} = \frac{16}{3} - \frac{4}{3} \times \frac{9}{20} = \frac{16}{3} - \frac{3}{5} = \frac{80}{15} - \frac{9}{15} = \frac{71}{15}$$

**Câu 3.** Viết số hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ chấm.

- a) 29 kg 35 g = ..... kg                      b) 18 dm<sup>2</sup> 40 cm<sup>2</sup> = ..... dm<sup>2</sup>  
 c) 6 ha 250 m<sup>2</sup> = ..... ha                      d) 75 200 ha = ..... km<sup>2</sup>

**Phương pháp**

Áp dụng cách đổi:

$$1 \text{ g} = \frac{1}{1000} \text{ kg} ; 1 \text{ cm}^2 = \frac{1}{100} \text{ dm}^2$$

$$1 \text{ m}^2 = \frac{1}{10000} \text{ ha} ; 1 \text{ ha} = \frac{1}{100} \text{ km}^2$$

**Lời giải**

- a) 29 kg 35 g = **29,035** kg                      b) 18 dm<sup>2</sup> 40 cm<sup>2</sup> = **18,4** dm<sup>2</sup>  
 c) 6 ha 250 m<sup>2</sup> = **6,025** ha                      d) 75 200 ha = **752** km<sup>2</sup>

**Câu 4.** Gia đình Nam có một thửa ruộng dạng hình chữ nhật có chiều dài 60 m, chiều dài gấp 4 lần chiều rộng. Gia đình Nam trồng lúa trên thửa ruộng đó. Cứ 1 m<sup>2</sup> thu hoạch được  $\frac{6}{5}$  kg thóc. Hỏi:

- a) Gia đình Nam thu được bao nhiêu tạ thóc trên thửa ruộng đó?

b) Biết mỗi ki-lô-gam thóc được mua với giá là 16 500 đồng. Vậy nếu bán hết số thóc đó thì gia đình Nam thu được bao nhiêu tiền?

### Phương pháp

a) Tìm chiều rộng của thửa ruộng = Chiều dài : 4

Diện tích thửa ruộng = Chiều dài x chiều rộng

Tìm số kg thóc thu được = Diện tích thửa ruộng x  $\frac{6}{5}$

Đổi sang đơn vị tạ

b) Số tiền thu được = giá tiền mỗi kg thóc x Số kg thóc thu được

### Lời giải

a) Chiều rộng của thửa ruộng là:

$$60 : 4 = 15 \text{ (m)}$$

Diện tích của thửa ruộng là:

$$60 \times 15 = 900 \text{ (m}^2\text{)}$$

Gia đình Nam thu được số tạ thóc trên thửa ruộng đó là:

$$900 \times \frac{6}{5} = 1080 \text{ (kg)} = 10,8 \text{ (tạ)}$$

b) Nếu bán hết số thóc đó thì gia đình Nam thu được số tiền là:

$$16\,500 \times 1\,080 = 17\,820\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: a) 10,8 tạ

b) 17 820 000 đồng